

Bản án số: 488/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2024

V/v: Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phan Thị Dòn;

2/ Ông Đặng Văn Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 818/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Kim T, sinh năm: 1989; (*Có mặt*)

Địa chỉ: Phòng 21.7 lầu 21 chung cư H, ấp A, xã An P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm: 1991; (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Phòng 21.7 lầu 21 chung cư H, ấp A, xã An P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ: Tháp BIDV số 194 T, phường Lý T, quận H, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ chi nhánh: 840 Quốc lộ 22, ấp P, xã Phước T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn B – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Phước Thạnh (Quyết định ủy quyền số 40/QĐ-BIDV.CC ngày 19/3/2024) (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

3.2 Ngân hàng Thương mại cổ phần V– Chi nhánh Sài Gòn; (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 129 N, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18/9/2023 và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T trình bày:

Năm 2012, bà và ông Nguyễn Trọng H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, Quyền số 01 ngày 17/01/2012.

Sau khi kết hôn, bà và ông Nguyễn Trọng H chung sống ở nhiều nơi, sau này thì về sống tại địa chỉ: Phòng 21.7 Lầu 21, HQ3 Chung cư H, ấp 3, xã An P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến cuộc sống trở nên căng thẳng, ngột ngạt và không hạnh phúc. Mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn, hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn giữa bà và ông Nguyễn Trọng H không thể giải quyết được. Bà nhận thấy hôn nhân đã không còn mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Trọng H.

Về con chung: Bà xác nhận bà và ông Nguyễn Trọng H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hồ Nhã K, sinh ngày: 21/11/2013; giới tính: Nữ và trẻ Nguyễn Hồ Bảo K1, sinh ngày: 30/10/2022, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông Nguyễn Trọng H cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/trẻ/tháng cho đến khi trẻ Khanh và trẻ Khang thành niên.

Về tài sản chung: Bà xác nhận bà và ông Nguyễn Trọng H có 01 chiếc xe ô tô 04 chỗ Hyundai Accent, số đăng ký: 50E 082.29, số khung: RLUAD41BBNN081785, số máy: G4LCNU695770. Giá trị tạm tính khoảng 400.000.000 đồng. Bà yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 200.000.000 đồng. Bà yêu cầu được nhận tiền và giao xe cho ông Nguyễn Trọng H quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Bà xác nhận bà và ông Nguyễn Trọng H có 02 khoản nợ chung với tổng số tiền còn nợ là 815.950.000 đồng (*Tám trăm mười lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*), cụ thể:

- Nợ Ngân hàng TMCP Đvới số tiền là 420.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*) phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số

01/2022/13162773/HĐTD ngày 07/01/2022 và hợp đồng tín dụng số 01/2019/13162773/HĐTD ngày 25/10/2019.

- Nợ của Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh Sài Gòn với số tiền là 395.950.000 đồng.

- Bà yêu cầu chia đôi số nợ chung nêu trên, cụ thể bà sẽ trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung là 407.975.000 đồng và yêu cầu ông Nguyễn Trọng H trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung nêu trên là 407.975.000 đồng.

Ngày 02/4/2024, bà có nộp Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà không yêu cầu ông Nguyễn Trọng H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này do hiện nay chiếc xe ô tô xe ô tô 04 chỗ Hyundai Accent, số đăng ký: 50E 082.29, số khung: RLUAD41BBNN081785, số máy: G4LCNU695770 ông H đang sử dụng để chạy dịch vụ.

- Về nợ chung:

+ Đối với khoản nợ Ngân hàng TMCP Đ với số tiền là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2022/13162773/HĐTD ngày 07/01/2022 và Hợp đồng tín dụng số 01/2019/13162773/HĐTD ngày 25/10/2019, bà là người đang tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, Ngân hàng không yêu cầu bà và ông H phải trả ngay nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

+ Đối với khoản nợ của Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền là 395.950.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN2210117046379 ngày 17/10/2022, bà xác nhận ông H đang tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng không yêu cầu bà và ông H phải trả ngay nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Ngày 02/4/2024 ông Nguyễn Văn B – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Phước Thạnh (Quyết định ủy quyền số 40/QĐ-BIDV.CC ngày 19/3/2024) có bản tự khai trình bày: Do bà Hồ Thị Kim T vẫn đang tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2022/13162773/HĐTD ngày 07/01/2022 và Hợp đồng tín dụng số 01/2019/13162773/HĐTD ngày 25/10/2019, do vậy, Ngân hàng TMCP Đ không yêu cầu bà T và ông H phải thanh toán hết khoản nợ trong vụ án này, trường hợp bà T và ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ như thỏa thuận trong các hợp đồng trên thì Ngân hàng TMCP Đ sẽ nộp đơn khởi kiện bà T và ông H ở vụ án khác.

Bị đơn – ông Nguyễn Trọng H đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh Sài Gòn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu

tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Con chung là Nguyễn Hồ Nhã K, sinh ngày: 21/11/2013 có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn.

Theo kết quả xác minh của Công an xã An P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 3014/TAHBC ngày 27/10/2023 về việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Trọng H, sinh năm: 1991 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 322 đường Cây Trâm, xã Mỹ Khánh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và có đăng ký khai báo nơi ở hiện tại tại địa chỉ: Phòng 21.7 Lầu 21, HQ3 Chung cư H, ấp 3, xã An P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn xin khởi kiện về việc ly hôn và đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Kim T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H.

Về con chung: Bà Hồ Thị Kim T và ông Nguyễn Trọng H có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Hồ Nhã K, sinh ngày: 21/11/2013; giới tính: Nữ và trẻ Nguyễn Hồ Bảo K1, sinh ngày: 30/10/2022, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Kim T xác nhận bà và ông Nguyễn Trọng H có tài sản chung, tuy nhiên, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này.

Về nợ chung:

+ Đối với khoản nợ Ngân hàng TMCP Đvới số tiền là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2022/13162773/HĐTD ngày 07/01/2022 và Hợp đồng tín dụng số 01/2019/13162773/HĐTD ngày 25/10/2019, bà T là người đang tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng không yêu cầu bà T và ông H phải trả ngay, do vậy bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

+ Đối với khoản nợ của Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền là 395.950.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN2210117046379 ngày 17/10/2022, bà T xác nhận ông H đang tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng không yêu cầu bà T và ông H phải trả ngay, do vậy bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Bị đơn ông Nguyễn Trọng H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần V- Chi nhánh Sài Gòn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về

việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195; Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Hồ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H, yêu cầu Tòa án giải quyết về việc con chung và tài sản chung nên tranh chấp giữa bà T và ông H là “Tranh chấp về ly hôn”. Theo kết quả xác minh của Công an xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 3014/TAHBC ngày 27/10/2023 về việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Trọng H, sinh năm: 1991 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 322 đường Cây Trâm, xã Mỹ Khánh, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và có đăng ký khai báo nơi ở hiện tại tại địa chỉ: Phòng 21.7 Lầu 21, HQ3 Chung cư H, ấp 3, xã An P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng H đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm bản tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, ông H cũng không trình bày ý kiến của mình về việc bà T yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên

cũng như về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án và căn cứ vào các yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Căn cứ Hợp đồng cho vay số LN2210117046379 ngày 17/10/2022 được ký kết giữa bà Hồ Thị Kim T và Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh Sài Gòn. Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh Sài Gòn vẫn vắng mặt. Do Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh Sài Gòn đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án và căn cứ vào các yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Kim T đối với ông Nguyễn Trọng H*:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 07, Quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T cấp ngày 17/01/2012 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Kim T và ông Nguyễn Trọng H là hợp pháp.

Căn cứ kết quả trả lời xác minh của Công văn số 439/TAHBC ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Hồ Thị Kim T và ông Nguyễn Trọng H thì Ủy ban nhân dân xã An P cho biết Ủy ban nhân dân xã An P chưa có thực hiện hòa giải mâu thuẫn hôn nhân và gia đình giữa bà Hồ Thị Kim T và ông Nguyễn Trọng H. Do đó, Ủy ban nhân dân xã không nắm rõ được việc mâu thuẫn

gia đình của bà Hồ Thị Kim T và ông Nguyễn Trọng H.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, thấu hiểu, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng khiến cuộc sống trở nên căng thẳng, ngột ngạt và không hạnh phúc. Mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn, hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn giữa bà và ông Nguyễn Trọng H không thể giải quyết được; Xét thấy vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ ông H để ông H trình bày ý kiến, nguyện vọng đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, giải quyết mâu thuẫn và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông H vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, không có thiện chí đoàn tụ. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà T có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của bà Hồ Thị Kim T:

Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm cả cha và mẹ. Hiện tại, trẻ Nguyễn Hồ Nhã K và trẻ Nguyễn Hồ Bảo K1 đang tuổi vị thành niên, tâm sinh lý có nhiều thay đổi, còn rất nhỏ nên trẻ cần rất nhiều tình cảm, sự quan tâm, gần gũi chăm sóc của người mẹ trong việc phát triển tâm, sinh lý, trẻ cũng có nguyện vọng được chung sống cùng mẹ là bà T nếu bố mẹ ly hôn (Bản tự khai của hai trẻ ngày 05/4/2024). Vì vậy, để đảm bảo cho hai trẻ Nhã Khanh và Bảo Khang có một cuộc sống và sự phát triển toàn diện nhất, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai trẻ Nhã Khanh và Bảo Khang cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Ông Nguyễn Trọng H (là cha của hai trẻ) vắng mặt trong các buổi hòa giải và tại phiên tòa xét xử nên không ghi nhận được ý kiến.

Ngoài ra, ông Nguyễn Trọng H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Minh Hoàng thì phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà Hồ Thị Kim T không yêu cầu ông Nguyễn Trọng H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Trọng H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/trẻ/tháng của bà Hồ Thị Kim T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Kim T về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ Nhã Khanh và Bảo Khang. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị Kim T không yêu cầu ông Nguyễn Trọng H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Kim T xác nhận bà và ông Nguyễn Trọng H có tài sản chung, tuy nhiên, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 01 chiếc xe ô tô 04 chỗ Hyundai Accent, số đăng ký: 50E

082.29, số khung: RLUAD41BBNN081785, số máy: G4LCNU695770.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà Hồ Thị Kim T xác nhận bà và ông Nguyễn Trọng H có hai khoản nợ chung, cụ thể:

+ Đối với khoản nợ Ngân hàng TMCP Đvới số tiền là 420.000.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi triệu đồng*) phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2022/13162773/HĐTD ngày 07/01/2022 và Hợp đồng tín dụng số 01/2019/13162773/HĐTD ngày 25/10/2019 do bà T vẫn đang thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Đvà đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Đxác nhận bà T vẫn đang tiếp tục thanh toán nợ nên Ngân hàng TMCP Đkhông yêu cầu bà T và ông H phải trả nợ trong vụ án này do vậy bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết nợ chung của bà T, ông H và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Giành cho Ngân hàng TMCP Đquyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

+ Đối với khoản nợ của Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền là 395.950.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN2210117046379 ngày 17/10/2022, bà T xác nhận ông H đang tiếp tục trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng không yêu cầu bà và ông H phải trả ngay nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sài Gòn không có ý kiến hoặc văn bản phản hồi về khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN2210117046379 ngày 17/10/2022 nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết nợ chung của bà T, ông H và Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sài Gòn. Giành cho Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Sài Gòn quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điểm a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do bà Hồ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà Hồ Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 60; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 85; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hồ Thị Kim T được ly hôn ông Nguyễn Trọng H.

- *Về con chung*: Bà Hồ Thị Kim T và ông Nguyễn Trọng H có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Hồ Nhã K, sinh ngày: 21/11/2013; giới tính: Nữ và trẻ Nguyễn Hồ Bảo K1, sinh ngày: 30/10/2022, giới tính: Nam.

Giao trẻ Nguyễn Hồ Nhã K và trẻ Nguyễn Hồ Bảo K1 cho bà Hồ Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên. Ghi nhận bà Hồ Thị Kim T tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Trọng H cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Trọng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Hồ Nhã K và trẻ Nguyễn Hồ Bảo K1, không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Trọng H phải cấp dưỡng nuôi con chung của bà Hồ Thị Kim T.

- *Về tài sản chung*: Đình chỉ đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của bà Hồ Thị Kim T đối với ông Nguyễn Trọng H.

- *Về nợ chung*: Đình chỉ đối với yêu cầu trả nợ chung của bà Hồ Thị Kim T đối với ông Nguyễn Trọng H.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Hồ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.300.000 đồng (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020452 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị Kim T được hoàn lại số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6a, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện Gò C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Trang